TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 01 - 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh và ông Trần Công Bằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Anh Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn: Chị Trần Thị Trang N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, anh Phan Anh Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị Trang N kết hôn vào ngày 16/8/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V (nay là xã K), huyện V, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh Đ, cuộc sống anh chị không hạnh phúc cho đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: do anh chị chưa có con chung nên chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ ruột chị N tại Thôn T, xã T, huyện B sinh sống. Kể từ đó cho đến nay anh chị sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn nên anh làm đơn xin ly hôn chị Trần Thị Trang N.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không có con chung và tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 12 năm 2021, bị đơn, chị Trần Thị Trang N trình bày: Chị và anh Phan Anh Đ đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2018 tại UBND

xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống tại quê anh Đ, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận vì anh Đ thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình. Chị N thấy không thể chung sống cùng anh Đ như vậy nữa, nên từ tháng 11/2020, chị trở về nhà bố mẹ ở thôn Thanh Vinh, xã Thanh Trạch sinh sống cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Hiện tình tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn. Do công việc nên chị N xin vắng mặt các buổi làm việc tại Tòa án và đề nghị xét xử vụ án vắng mặt chị.

Về con chung và tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ và chị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện anh Phan Anh Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết ly hôn đối với chị Trần Thị Trang N, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn"; chị N có nơi cư trú là Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ và chị N vắng mặt nhưng anh chị đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phan Anh Đ và chị Trần Thị Trang N.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Anh Phan Anh Đ và chị Trần Thị Trang N đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị ngày 16/8/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/01/2022, anh Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị N. Tại bản tự khai và yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của anh Đ, chị N đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận xử cho anh Phan Anh Đ được ly hôn chị Trần Thị Trang N là phù hợp.

Về con chung: Anh chị đều thống nhất khai nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí vụ kiện: Anh Phan Anh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Anh Đ, xử cho anh Phan Anh Đ được ly hôn chị Trần Thị Trang N.

2. Về quan hệ con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Anh Đ và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Anh Phan Anh Đ phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002526 ngày 22 tháng 11 năm 2021. Anh Đ đã nộp đủ án phí vụ kiện.

5. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã K
(GCNKH số: 25, ngày 16/8/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu